

Vietnam Daily Review

Tiếp diễn xu hướng tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/7/2022	•		
Tuần 18/7-22/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường vẫn gặp khó khăn trong việc lấp gap vùng 1180. Sau một phiên giao dịch trời sục quanh vùng 1180-1185, VN-Index đi xuống đóng cửa tại ngưỡng 1176.49 điểm, giảm nhẹ 2 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong tuần này, VN-Index dự kiến có thể kiểm tra ngưỡng 1200 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-2.76** điểm, đóng cửa **1176.49** điểm. HNX-Index **+0.24** điểm, đóng cửa **284.63** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.51)**, **FPT (+0.22)**, **VIB(+0.19)**, **TCB (+0.18)**, **SSB (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.50)**, **VHM (-1.08)**, **HPG (-0.86)**, **BID (-0.38)**, **VCB (-0.35)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,080 tỷ đồng, giảm **11.42%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,234 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 10.23 điểm. Thị trường có **229** mã tăng, 78 mã tham chiếu và **209** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-115.93 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-44.77 tỷ)**, **HPG (-44.10 tỷ)**, **DXG (-27.78 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.64 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1176.49**

Giá trị: 10079.56 tỷ

-2.76 (-0.23%)

Khối ngoại (ròng): -115.93 tỷ

HNX-INDEX **284.63**

Giá trị: 1164.47 tỷ

0.23 (0.08%)

Khối ngoại (ròng): -7.64 tỷ

UPCOM-INDEX **87.46**

Giá trị: 0.59 tỷ

0.14 (0.16%)

Khối ngoại (ròng): -2.36 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	99.7	2.20%
Giá vàng	1,719	0.64%
Tỷ giá USD/VND	23,439	0.17%
Tỷ giá EUR/VND	23,749	0.90%
Tỷ giá JPY/VND	16,990	0.81%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	0.54%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VND	61.9	VHM	-44.8
DPM	35.0	HPG	-44.1
VNM	26.2	DXG	-27.8
BID	20.5	STB	-23.5
LPB	20.2	FPT	-17.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	23.2	0	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

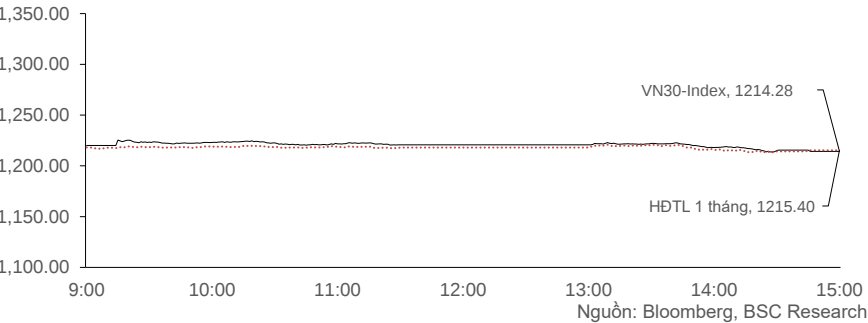
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	0.00%	0.00%	0.00%	0
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.10%	-7.54%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1215.40	0.44%	1.12	-19.0%	178,982	7/21/2022	5
VN30F2208	1212.80	0.16%	-1.48	114.3%	3,079	8/18/2022	33
VN30F2209	1211.80	-0.20%	-2.48	-45.3%	41	9/15/2022	61
VN30F2212	1211.80	-0.07%	-2.48	296.6%	115	12/15/2022	152

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -5.86 điểm xuống 1214.28 điểm, biên độ dao động 13.18 điểm. Các cổ phiếu như VIC, HPG, VHM, STB và VPB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. VN30 hôm nay tiếp tục vận động và tích lũy trong biên độ nhỏ với thanh khoản thấp, hình thành cây nến giảm râu nến ngắn. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nến đang ở trạng thái trung lập, chưa có xác nhận xu hướng rõ ràng. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30VF2212 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2205	12/27/2022	162	20:1	80,900	43.21%	1,200	790	6.76%	412	1.92	135,179	113,979	102,600
CVRE2209	12/27/2022	162	8:1	714,200	39.60%	1,000	390	5.41%	163	2.39	30,888	30,888	26,050
CFPT2203	8/1/2022	14	3.3:1	944,300	33.22%	3,800	1,560	4.00%	1,591	0.98	86,866	95,000	83,000
CPNJ2202	10/3/2022	77	24.8:1	82,700	41.87%	1,200	800	1.27%	715	1.12	130,482	99,999	113,500
CPNJ2203	10/3/2022	77	24.8:1	27,900	41.87%	1,300	830	1.22%	643	1.29	126,542	109,999	113,500
CMBB2206	10/3/2022	77	10:1	21,000	36.02%	1,000	560	0.00%	381	1.47	101,222	22,222	25,400
CNVL2202	8/15/2022	28	16:1	30,000	26.27%	1,000	170	0.00%	24	7.06	93,279	79,999	73,600
CFPT2201	9/20/2022	64	6.6:1	244,000	33.22%	2,100	830	0.00%	458	1.81	88,884	106,000	83,000
CVPB2204	11/15/2022	120	16:1	18,700	37.73%	1,000	390	-2.50%	96	4.05	30,888	30,888	28,150
CNVL2206	1/3/2023	169	16:1	200	26.27%	1,000	640	-3.03%	141	4.53	86,559	83,999	73,600
CVJC2203	12/27/2022	162	20:1	2,300	28.08%	1,400	940	-5.05%	371	2.53	145,731	131,131	124,200
CVNM2205	10/20/2022	94	16:1	5,000	26.66%	1,000	540	-5.26%	89	6.06	127,839	79,999	71,700
CVNM2204	10/7/2022	81	10:1	174,100	26.66%	1,500	700	-5.41%	337	2.08	81,600	73,000	71,700
CMBB2207	1/3/2023	169	10:1	169,700	36.02%	1,000	600	-6.25%	378	1.59	32,656	23,456	25,400
CSTB2211	12/27/2022	162	8:1	953,300	47.08%	1,000	510	-7.27%	334	1.53	31,173	23,333	22,550
CSTB2214	1/9/2023	175	2:1	235,600	47.08%	1,630	2,030	-7.31%	1,470	1.38	23,840	23,000	22,550
CSTB2213	1/3/2023	169	8:1	121,000	47.08%	1,000	500	-9.09%	289	1.73	35,324	24,444	22,550
CNVL2205	12/27/2022	162	16:1	1,400	26.27%	1,100	650	-9.72%	168	3.88	121,088	81,888	73,600
CPDR2204	1/3/2023	169	16:1	100	31.67%	1,000	530	-10.17%	194	2.73	77,499	57,979	53,100
CVNM2203	8/15/2022	28	20:1	195,100	26.66%	1,000	130	-13.33%	6	20.92	107,511	81,111	124,200
Tổng				4,021,500	35.13%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

• Trong phiên giao dịch ngày 18/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

• CNVL2203 và CVIC2204 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch giảm 14.31%, CHPG2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.13% thị trường.

• CVJC2202, CSTB2210, CPNJ2202 và CVNM2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2204, CKDH2207, CPDR2203 và CNVL2102 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	61.0	-0.8%	0.7	3,882	6.8	3,515	17.4	4.0	48.8%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	113.5	0.0%	0.7	1,196	2.4	5,443	20.9	3.4	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	57.3	1.4%	1.3	1,849	3.8	2,529	22.7	2.0	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.7	-0.7%	0.7	445	0.1	3,630	12.0	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	68.0	-2.3%	0.5	11,276	3.2	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.1	-0.6%	1.1	2,574	0.6	401	65.0	1.9	31.9%	3.0%
VHM	Bất động sản	59.0	-1.7%	0.8	11,170	5.2	8,786	6.7	2.0	23.2%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.4	-2.5%	1.4	565	8.2	1,503	14.2	1.4	30.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.9	-0.9%	1.7	1,354	16.5	2,841	7.4	1.5	22.1%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.5	1.2%	1.0	560	6.3	4,884	7.9	1.8	18.6%	26.9%
HCM	Chứng khoán	24.6	1.7%	1.6	489	9.7	2,619	9.4	1.5	42.9%	17.9%
FPT	Công nghệ	83.0	1.0%	1.0	3,959	4.6	4,293	19.3	4.7	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.6	1.6%	0.4	979	0.0	4,926	13.9	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	97.5	0.0%	1.0	8,113	2.4	5,109	19.1	3.4	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.3	1.1%	1.5	2,224	0.7	1,950	20.6	2.0	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.2	0.0%	1.6	482	6.3	1,408	16.5	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	23.6	3.5%	0.8	3,181	8.1	2,108	11.2	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.0	0.0%	0.3	500	0.0	6,105	14.4	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	50.8	0.8%	1.3	864	8.6	12,920	3.9	1.6	16.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	29.6	-0.7%	1.2	681	3.1	5,643	5.2	1.8	9.4%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.0	-0.4%	0.8	14,815	1.2	4,855	14.8	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.5	-0.8%	1.2	7,808	2.6	2,266	15.7	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.9	-0.4%	1.5	5,621	4.1	2,558	10.5	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.2	-0.4%	1.2	5,441	9.3	3,874	7.3	1.4	17.6%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.4	-0.2%	1.3	4,173	6.8	3,623	7.0	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	23.9	-0.4%	1.1	3,510	2.5	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	56.0	0.0%	0.7	199	0.1	3,150	17.8	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	37.2	1.9%	0.5	210	0.0	3,628	10.3	1.7	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.7	1.0%	1.6	941	0.2	178	110.7	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.6	-2.6%	1.1	5,714	19.9	5,726	3.9	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	17.8	-2.5%	1.6	385	5.3	7,157	2.5	0.8	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	71.7	0.1%	0.6	6,515	3.5	4,390	16.3	4.7	54.6%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	154.2	0.1%	0.8	4,299	0.1	5,969	25.8	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	102.6	1.4%	1.0	6,351	3.0	7,041	14.6	5.3	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.4	0.0%	1.6	502	0.9	1,144	16.0	1.4	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	81.0	0.9%	0.8	7,667	0.1	363	223.3	4.7	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	124.2	-0.4%	1.1	2,925	2.2	361	343.6	3.9	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.4	0.0%	1.7	1,579	0.7	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.7	-0.6%	1.0	638	1.6	2,256	21.6	2.2	45.8%	10.8%
PVT	Vận tải	19.6	3.2%	1.4	276	1.3	2,088	9.4	1.2	13.2%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.6	-0.3%	0.9	505	0.2	10,540	6.9	2.2	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.6	0.2%	0.7	986	1.5	3,677	13.8	2.9	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	1.3%	1.1	269	0.5	783	20.7	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	60.0	1.7%	1.3	193	2.3	(27) #N/A	N/A	0.5	52.5%	0.0%
CII	Xây dựng	19.6	0.5%	1.4	215	3.5	1,266	15.5	0.9	11.0%	6.1%
REE	Điện	79.2	1.7%	-1.4	1,224	3.1	5,994	13.2	2.1	49.1%	16.7%
PC1	Điện	35.6	-0.8%	-0.4	364	1.0	3,238	11.0	1.7	4.8%	16.9%
POW	Điện	13.1	0.8%	0.6	1,334	4.4	859	15.3	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	23.8	-0.2%	0.6	298	0.8	1,933	12.3	1.6	14.1%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	35.6	0.1%	1.5	1,188	4.4	866	41.1	1.9	14.5%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	62.9	0%	1.0	2,831	0.2	1,190	52.9	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	102.60	1.38	0.51	666600
FPT	83.00	0.97	0.22	1.26MLN
VIB	24.60	1.44	0.19	1.39MLN
TCB	36.30	0.55	0.18	2.99MLN
VHC	83.90	4.22	0.16	997300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.56	1.09MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-1.11	2.02MLN	607060
HPG	0.00	-0.69	19.93MLN	373600
BID	0.00	-0.39	1.70MLN	192700
VCB	0.00	-0.36	391400	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	10.75	6.97	0.01	198300.00
HNG	6.80	6.92	0.13	18.39MLN
ST8	20.10	6.91	0.01	64100
VCF	243.70	6.89	0.11	100
HVX	4.51	6.87	0.00	64000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	28.65	-6.98	-0.01	10000
UIC	48.85	-6.95	-0.01	5400
DTT	12.75	-6.93	0.00	1000.00
LEC	9.08	-6.87	0.00	100
LCM	2.66	-6.67	0.00	709300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

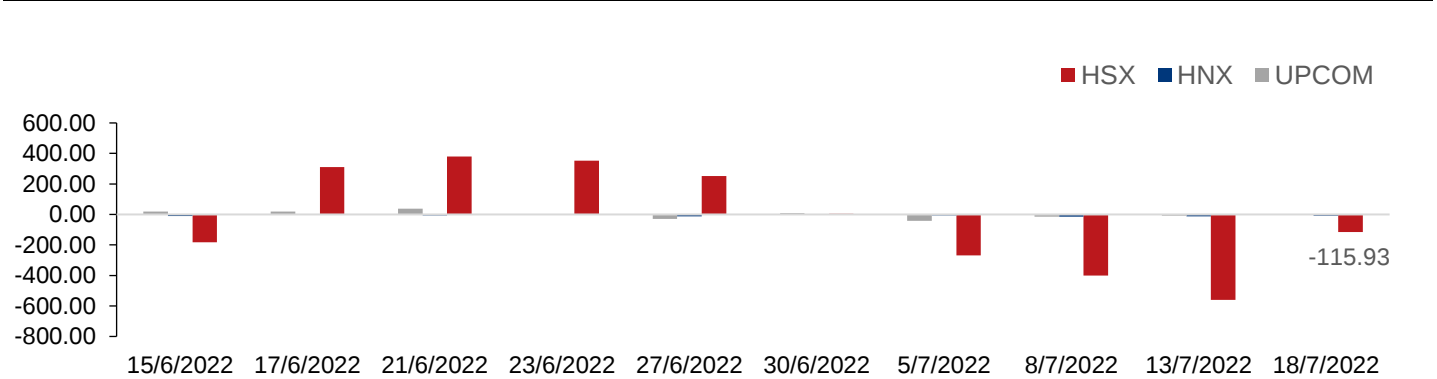
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	58.60	3.35	0.79	2.45MLN
PTI	62.80	5.72	0.14	3400.00
EVS	30.80	6.94	0.12	19900
HHC	90.20	10.00	0.11	100.00
SHS	15.40	0.65	0.10	9.95MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	30.00	-1.32	-0.38	131800
CEO	29.50	-2.96	-0.29	6.75MLN
HUT	27.20	-2.86	-0.27	3.24MLN
BAB	16.40	-1.20	-0.25	8300
L14	106.50	-4.14	-0.16	248200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	90.20	10.0	0.11	100
TKC	6.60	10.0	0.01	76800
VMS	14.60	9.8	0.01	1300
SIC	23.60	9.8	0.02	6700
SD9	9.00	9.8	0.02	255700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VSM	25.70	-9.82	-0.01	200
SJ1	12.20	-9.63	-0.02	7000
TKU	16.80	-7.18	0.00	16800
NAP	12.10	-6.92	-0.01	1400
V21	5.70	-6.56	-0.01	16500

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	62.8	3,434	18.3	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.8	1,701	8.1	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	23.8	1,933	12.3	1.6	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.2	10,029	7.1	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	72.5	4,874	14.9	4.7	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	35.6	3,238	11.0	1.7	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.3	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	83.0	4,293	19.3	4.7	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.1	2,279	12.3	1.9	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.3	9,632	2.0	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.1	859	15.3	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	61.0	3,515	17.4	4.0	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.6	2,088	9.4	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	93.0	8,710	10.7	4.7	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.6	5,726	3.9	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	35.6	866	41.1	1.9	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.0	5,084	4.5	1.5	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.4	1,503	14.2	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	55.0	4,775	11.5	4.4	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	46.7	2,136	21.9	2.3	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.6	2,701	9.8	1.8	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	83.9	8,331	10.1	2.4	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.8	1,941	14.8	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.7	3,630	12.0	1.3	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.2	1,408	16.5	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	97.5	5,109	19.1	3.4	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	21.5	3,141	6.8	1.4	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	60.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.8	1,701	8.1	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.5	1,350	7.8	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.5	1,350	7.8	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.7	2,433	4.8	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	61.0	3,515	17.4	4.0	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	49.7	2,762	18.0	3.5	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	37.8	1,900	19.9	1.6	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.6	2,108	11.2	1.9	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.4	1,034	15.8	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	83.9	8,331	10.1	2.4	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	42.7	2,916	14.6	2.3	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.9	991	12.0	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	27.7	1,956	14.2	1.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	37.2	3328.9	11.2	1.7	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.8	1,933	12.3	1.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639